

Số: 1112/2023/QĐST - HNGĐ

Đông Đa, ngày 30 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1089/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1975; HKTT: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh T; Nơi làm việc: Số 276 Đường L, phường T, quận Đ, thành phố H.

- **Ông Ngô Ngọc B**, sinh năm: 1966; HKTT: Thôn V, xã A, huyện Q, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông B kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh T ngày 02/7/2001.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Bà H và ông B khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Bà H và ông B có 02 con chung là: Ngô Tùng L (nam), sinh ngày 31/01/2002 và Ngô Hải Y (nữ), sinh ngày 10/3/2007. Ly hôn, ông bà thỏa thuận: bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu L đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết.

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Bà H và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về vay nợ: Bà H và ông B không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà H và ông B thống nhất để bà H chịu cả 300.000 đồng - lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Ngô Ngọc B;

- **Về con chung:** Xác nhận bà H và ông B có 02 con chung là: Ngô Tùng L (nam), sinh ngày 31/01/2002 và Ngô Hải Y (nữ), sinh ngày 10/3/2007. Giao cháu Y cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông B cho đến khi bà H có yêu cầu hoặc khi có quyết định có hiệu lực pháp luật khác thay thế.

Ông B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Cháu L đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- **Về tài sản chung:** Bà H và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- **Về vay nợ chung:** Bà H và ông B xác nhận không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thoả thuận tự nguyện của bà H và ông B để bà H chịu toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp tại Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 795635 ngày 21/11/2023 của Công ty CP thanh toán quốc gia Việt Nam vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa tại Kho bạc nhà nước quận Đống Đa. Bà H đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện Q, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tú